TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/KDTM-ST
Ngày: 27-01-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hiền.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Thanh Trà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2020/TLST-KDTM ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 06/2020/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Bê tông C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Choi Young Sun, chức vụ: Tổng Giám đốc (vắng mặt)

Địa chỉ: Lô O, đường N7 - N5, khu công nghiệp N, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1996.

Địa chỉ: 394/3 khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương (Giấy ủy quyền ngày 06-5-2020) (có mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng D.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh Đồ, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố S, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm công ty TNHH Bê tông C, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn Chưởng trình bày:

Ngày 24-8-2017, công ty TNHH Bê tông C (công ty Bê tông C) và công ty TNHH Đầu tư Xây dựng D (công ty D) ký hợp đồng cung cấp bê tông số HD-2408-2017, nội dung công ty Bê tông C cung cấp sản phẩm bê tông trộn sẵn cho công ty D tại công trình nhà xưởng đường 25 khu chế xuất công nghiệp VIP 2A tại tỉnh Bình Dương theo đặc tính và đơn giá như sau:

STT	Mác bê tông	Cường độ bê tông nén	Độ sụt	Đơn giá VNĐ/m^3
1	Mac 100	10N/mm^2	100±20	1.060.000
2	Mac 150	15 N/mm^2	100±20	1.090.000
3	Mac 200	20 N/mm^2	100±20	1.130.000
4	Mac 250	25 N/mm^2	100±20	1.190.000
5	Mac 300	30 N/mm^2	100±20	1.260.000
6	Mac 350	35 N/mm^2	100±20	1.340.000
7	Bơm bê tông		> 25	90.000
8	Bơm bê tông		≤ 25	2.700.000

Đơn giá bê tông áp dụng cho bơm theo phương nằm ngang (bơm ngang) không quá 75m, phương thẳng đứng (bơm cần) không quá 16m tương đương bơm cần 32m – 42m. Trường hợp công ty D có nhu cầu sử dụng bơm cần dài 48m trở lên thì cứ 1m^3 bơm tăng thêm 10.000đ/m^3 và 300.000đ/ca. Bơm những hạn mục như cột, vách, đà kiềng và sênô thì đơn giá sẽ cộng thêm 10.000đ/m^3 và 500.000đ/ca. Bơm dưới 25m^3, trường hợp do công ty D không chuẩn bị sẵn đường xá, khu vực đậu xe, khiến xe bơm phải chờ quá 4 tiếng thì công ty D phải ký cho công ty Bê tông C một ca bơm chờ tương đương 2.700.000 đồng và cứ 1 giờ tăng thêm chi phí là 300.000đ/h. Đơn giá sẽ được điều chỉnh tùy vào từng điều kiện bơm bê tông mà công ty D yêu cầu:

Độ cao/ Chiều cao	Khối lượng ≤ 25m^3	Khối lượng > 25m^3
Từ móng – tầng 5/ 0m – 70m	2.7000.000đ/ca	90.000đ/m^3
Tầng 6 – tầng 10/ 71m – 100m	3.000.000đ/ca	105.000đ/m^3
Tầng 11 – tầng 15/ 101m – 130m	3.500.000đ/ca	115.000đ/m^3
Tầng 16 – tầng 20/ 131m – 160m	4.300.000đ/ca	125.000đ/m^3

Trường hợp do lỗi của công ty D thông báo lịch bơm khối lượng dưới 25m^3, công ty Bê tông C sẽ thực hiện đậu một lần và dời bơm một lần theo yêu cầu của công ty D (nếu có). Kể từ lần bơm thứ hai sẽ tính phí dời bơm là 500.000đ/lần. Khi công ty D có nhu cầu phụ gia chống thấm B6 thì đơn giá trên được cộng them 65.000đ/m^3 hoặc phụ gia đông kết nhanh (7 ngày cường độ thiết kế) thì đơn giá cũng được cộng them 25.000đ/m^3, hoặc tăng mỗi độ sụt lên 20mm, thì đơn giá cũng được cộng thêm 25.000đ/m^3. Các đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT 10% và chi phí vận chuyển đến công trình, đơn giá được giữ cho đến khi kết thúc công trình.

Công ty Bê tông C đã thực hiện đúng các thỏa thuận của hợp đồng, nhưng công ty D vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Công ty Bê tông C đã nhiều lần yêu cầu công ty D thực hiện thanh toán, nhưng công ty D lại kéo dài thời gian nhằm chiếm dụng vốn của công ty Bê tông C. Công ty Bê tông C yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc công ty D có nghĩa vụ thanh toán cho công ty Bê tông C gồm:

1. Công nợ cuối kỳ theo hợp đồng số HD-2408-2017 ngày 24-8-2017 là 128.200.000 đồng.

2. Tiền phạt chậm trả quá hạn căn cứ mục 3.2 của Hợp đồng số HD-2408-2017 và Điều 301 Luật Thương mại năm 2005 tính từ ngày 15-10-2017 đến ngày công ty TNHH Đầu tư Xây dựng D thanh toán tiền cho công ty TNHH Bê tông C, tạm tính đến ngày 15-5-2020 là 128.200.000đ x 8% = 10.256.000 đồng.

3. Tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật tính từ ngày 15-10-2017 đến ngày công ty TNHH Đầu tư Xây dựng D thanh toán tiền cho công ty TNHH Bê tông C, tạm tính đến ngày 15-5-2020 là 128.200.000đ x 31 tháng x 0,83%/tháng = 32.985.860 đồng.

Ngày 07-01-2021, công ty Bê tông C có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, rút phần tiền phạt chậm trả quá hạn 10.256.000 đồng và tiền lãi chậm trả 32.985.860 đồng, giữ nguyên yêu cầu công ty D trả số tiền 128.200.000 đồng.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn công ty TNHH Đầu tư Xây dựng D, người đại diện theo pháp luật ông Lê Thanh Đồ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt, không cung cấp, tài liệu chứng cứ gì.

3. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu công ty D trả số tiền 128.200.000 đồng và không cung cấp tài liệu chứng cứ mới.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Công ty Bê tông C đã cung cấp bê tông cho công ty D với tổng giá trị là 248.200.000 đồng, công ty D đã thanh toán số tiền 120.000.000 đồng, hiện công ty D còn nợ số tiền 128.200.000 đồng, yêu cầu khởi khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc công ty D trả số tiền 128.200.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi đối với công ty D. Về án phí công ty D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn công ty TNHH Bê tông C khởi kiện tranh chấp hợp đồng cung cấp bê tông với bị đơn công ty TNHH Đầu tư Xây dựng D, trụ sở tại Tổ 3,

khu phố S, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng người đại diện theo pháp luật là ông Lê Thanh Đ vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Thanh Đ.

Về nội dung:

Công ty Bê tông C yêu cầu công ty D thanh toán số tiền là 128.200.000 đồng theo hợp đồng cung cấp bê tông số HD-2408-2017 ngày 24-8-2017, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Ngày 24-8-2017, công ty TNHH Bê tông C và công ty D ký hợp đồng cung cấp bê tông số HD-2408-2017. Hợp đồng do ông Kim Dae G đại diện cho công ty Bê tông C theo giấy ủy quyền ngày 28-6-2017 và ông Lê Thanh Đ người đại diện theo pháp luật của công ty D ký kết có nội dung, hình thức phù hợp với quy định pháp luật, nên có giá trị pháp lý đối với các bên.

[4] Hợp đồng cung cấp bê tông số HD-2408-2017 ngày 24-8-2017, có nội dung: công ty Bê tông C cung cấp sản phẩm bê tông trộn sẵn đến các công trình xây dựng của công ty D tại công trình nhà xưởng tại đường 25 khu công nghiệp Vsip 2A, Bình Dương, theo khối lượng; quy cách; đơn giá; thời gian giao hàng; phương thức giao hàng; phương thức thanh toán các bên thỏa thuận. Thực hiện hợp đồng, công ty Bê tông C đã cung cấp bê tông đến công trình Silk Road, địa chỉ: Đường 25, KCN V, B theo đúng thỏa thuận hợp đồng, cụ thể:

[4.1] Trong các ngày 24, 26 và 31 tháng 8 năm 2017, công ty Bê tông C đã cung cấp cho công ty D 15,5m^3 bê tông Mac 250. Ngày 31-8-2017, công ty Bê tông C xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000971 yêu cầu công ty D thanh toán 18.445.000 đồng.

[4.2] Trong các ngày 04, 06 và 09 tháng 9 năm 2017, công ty Bê tông C đã cung cấp cho công ty D 16m^3 bê tông Mac 250. Ngày 26-9-2017, công ty Bê tông C xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000133 yêu cầu công ty D thanh toán 19.040.000 đồng.

Ngày 14-9-2017, công ty D chuyển khoản thanh toán 20.000.000 đồng cho công ty Bê tông C.

Đối chiếu công nợ đến ngày 14-9-2017, công ty D còn nợ công ty Bê tông C số tiền 18.445.000 đồng + 19.040.000 đồng – 20.000.000 đồng = 17.485.000 đồng.

[4.3] Trong các ngày 15, 18 và 21 tháng 9 năm 2017, công ty Bê tông C đã cung cấp cho công ty D 14m^3 bê tông Mac 250. Ngày 28-9-2017, công ty Bê tông C xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000135 yêu cầu công ty D thanh toán 16.660.000 đồng.

[4.4] Trong các ngày 26 và 29 tháng 9 năm 2017, công ty Bê tông C đã cung cấp cho công ty D 10,5m^3 bê tông Mac 250. Ngày 30-9-2017, công ty Bê tông C xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000189 yêu cầu công ty D thanh toán 12.495.000 đồng.

Ngày 06-10-2017, công ty D thanh toán bằng tiền mặt số tiền 100.000.000 đồng cho công ty Bê tông C.

Đối chiếu công nợ đến ngày 06-10-2017, công ty Bê tông C còn nợ công ty D số tiền 100.000.000 đồng – 17.485.000 đồng – 16.660.000 đồng – 12.495.000 đồng = 53.360.000 đồng.

[4.5] Trong các ngày 06 và 10 tháng 10 năm 2017, công ty Bê tông C đã cung cấp cho công ty D 4m^3 bê tông Mac 250; 132m^3 bê tông Mac 300; có bơm 132m^3 bê tông thể hiện tại Phiếu xác nhận khối lượng bê tông số 00983 ngày 06-10-2017 và số 01115 ngày 10-10-2017. Ngày 15-10-2017, chỉ huy công trường ông Cao Chí C và công ty Bê tông C ký Bảng đối chiếu khối lượng giao nhận bê tông (bút lục số 09) với tổng giá trị là 181.560.000 đồng. Cùng ngày, công ty Bê tông C xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000254, yêu cầu công ty D thanh toán số tiền 181.560.000 đồng.

[4.5.1] Tòa án đã yêu cầu các bên đương sự cung cấp toàn bộ hồ sơ liên quan đến hợp đồng cung cấp bê tông số HD-2408-2017 ngày 24-8-2017, nhưng công ty D vắng mặt, không có bất kỳ ý kiến, và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Công ty Bê tông C cung cấp các Phiếu xác nhận khối lượng bê tông; phiếu giao hàng có xác nhận của chỉ huy công trường; bảng đối chiếu khối lượng giao nhận bê tông ngày 15-10-2017; hóa đơn giá trị gia tăng; sao kê tài khoản ngân hàng.

Xét thấy, quá trình giao nhận bê tông giữa công ty Bê tông C và công ty D đều do ông Cao Chí C1 đại diện bên chỉ huy công trình ký xác nhận thay công ty D. Công ty D vẫn thực hiện thanh toán đơn hàng cho công ty Bê tông C tương ứng với khối lượng bê tông do ông C1 ký xác nhận. Căn cứ mục 3.2 Điều 3 của hợp đồng, trên cơ sở phiếu xác nhận khối lượng bê tông ngày 06-10-2017 và ngày 10-10-2017, công ty Bê tông C xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000254 là có căn cứ.

[4.5.2] Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000254 ngày 15-10-2017, trong đó: 4m^3 bê tông Mac 250, đơn giá chưa thuế 1.063.636,364 đồng/m^3, tương ứng đơn giá có thuế giá trị gia tăng 10% là 1.063.636,364 đồng + 1.063.636,364 đồng x 10% = 1.170.000 đồng; 132m^3 bê tông Mac 300, đơn giá chưa thuế 1.127.272,727 đồng/m^3, tương ứng đơn giá có thuế giá trị gia tăng 10% là 1.127.272,727 đồng + 1.127.272,727 đồng x 10% = 1.240.000.000 đồng; giá bơm bê tông có thuế 100.000đ/m^3 x 132m^3 = 13.200.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đơn giá bê tông Mac 250 và Mac 300 trong hóa đơn thấp hơn giá thỏa thuận hợp đồng 20.000đ/m^3; chi phí bơm bê tông 100.000đ/m^3. Công ty Bê Tông C trình bày do công ty D có khó khăn về tài chính có liên hệ xin giảm giá, với mong muốn là đối tác lâu dài công ty Bê tông C đã chấp nhận giảm giá bán, mà không lập phụ lục hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận điều chỉnh giá; chi phí bơm bê tông thông thường là 90.000đ/m^3, do sử dụng cần bơm dài 48m trở lên

nên giá bơm tăng thêm 10.000đ/m^3, và giá trị, khối lượng được hai bên xác nhận tại Bảng đối chiếu khối lượng giao nhận bê tông ngày 15-10-2017, là có lợi cho bị đơn, phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000254 ngày 15-10-2017, công ty Bê tông C đã thực hiện khai báo thuế, và yêu cầu công ty D thanh toán cho công ty Bê tông 181.560.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối chiếu công nợ, công ty D còn phải thanh toán cho công ty Bê tông C số tiền 181.560.000 đồng – 53.360.000 đồng = 128.200.000 đồng.

[5] Theo đơn khởi kiện ngày 11-5-2020, Công ty Bê tông C yêu cầu công ty D thanh toán số tiền phạt chậm trả quá hạn căn cứ mục 3.2 của hợp đồng và Điều 301 của Luật Thương mại tính từ ngày 15-10-2017 là 128.200.000 đồng x 8% = 10.256.000 đồng; căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sư yêu cầu công ty D Tiền trả tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 15-10-2017 đến ngày công ty D thanh toán tiền cho công ty TNHH Bê tông C, tạm tính đến ngày 15-5-2020 là 128.200.000đ x 31 tháng x 0,83%/tháng = 32.985.860 đồng.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 07-01-2021 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi 32.985.860 đồng và tiền phạt 10.256.000 đồng đối với công ty D là tự nguyện, có lợi cho bị đơn, và phù hợp với quy định pháp luật, nên chấp nhận. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của công ty Bê tông C về việc yêu cầu công ty D thanh toán số tiền phạt chậm trả 10.256.000 đồng; tiền lãi do chậm thanh toán là 32.985.860 đồng.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty Bê tông C, buộc công ty D thanh toán số tiền 128.200.000 đồng cho công ty Bê tông C, và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của công ty Bê tông C về yêu cầu công ty D thanh toán tiền phạt chậm trả 10.256.000 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán là 32.985.860 đồng.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của công ty Bê tông C buộc công ty D có nghĩa vụ thanh toán số tiền 128.200.000 đồng được chấp nhận, nên công ty Bê tông C không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả số tiền 4.286.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp cho công ty Bê tông C. Công ty D phải chịu án phí sơ thẩm là 128.200.000 đồng x 5% = 6.410.000 đồng theo quy định Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 24, 50 của Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty TNHH Bê tông C về việc tranh hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn công ty TNHH Đầu tư Xây dựng D.

Buộc công ty TNHH Đầu tư Xây dựng D có nghĩa vụ thanh toán số tiền 128.200.000 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng) cho công ty TNHH Bê tông C.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH Bê tông C về việc yêu cầu công ty TNHH Đầu tư Xây dựng D thanh toán tiền phạt chậm trả quá hạn 10.256.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán 32.985.860 đồng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng D phải nộp số tiền 6.410.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm mười nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho công ty TNHH Bê tông C số tiền 4.286.000 đồng (Bốn triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005431 ngày 29-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27-01-2021) đương sự có mặt có quyền kháng cáo. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết để kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX. Phú Mỹ, tỉnh BR-VT;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Việt Hà